TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/DS-ST
Ngày : 02 - 6 - 2022
V/v "TrA chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hùng Bích

Bà Phan Hoàng Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 52/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2022 về trA chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2022/QĐST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* NH TMCPAC. Trụ sở: Số 442 đường NTMK, phường 5, quận X, TPHCM.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T, chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị A Đ, chức vụ: Giám đốc Phòng quản lý nợ (theo giấy ủy quyền số 428/UQ-QLN.19 ngày 26/6/2019)

Địa chỉ: Lầu 6, Tòa nhà ACB Tower, 444A-446 CMTT, phường 11, quận X, TPHCM.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Minh T, sinh năm: 1978, chức vụ: nhân viên; Địa chỉ: Lầu 6, Tòa nhà ABC Tower, 444A-446 CMTT, phường 11, quận X, TPHCM (theo giấy ủy quyền số 166/UQ-QLN.21 ngày 10/3/2021 tại Ngân hàng TMCP Á Châu) (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Bùi Kim A, sinh năm 1990; Địa chỉ tạm trú: Số 162/30 đường số 10, phường C, quận Y, TPHCM; Địa chỉ liên lạc: số 402A/21 BK3, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của NH TMCPAC(viết tắt là Ngân hàng) trình bày nội dung:

NH TMCPAC(sau đây gọi là ACB) cấp tín dụng cho bà Bùi Kim A căn cứ theo hợp đồng tín dụng trả góp PTH.CN.1019.270418 ngày 28/4/2018 (số tài khoản vay: 261413429), phụ lục hợp đồng số PTH.CN.1019.270418/PL-01 ngày 28/4/2018, với số tiền cho vay: 50.000.000 đồng, phương thức giải ngân: chuyển T bộ số tiền vay vào tài khoản tiền gửi thA toán số 234565659 của bà Bùi Kim A tại ACB; thời hạn cho vay: 24 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay (từ ngày 29/4/2018 đến ngày 28/4/2020); mục đích cho vay: UIL – tiêu dùng tín chấp – hỗ trợ tiêu dùng có hợp tác công ty - tiêu dùng; phương thức cho vay: từng lần; lãi suất trong hạn: 7,00%/năm (tính theo dư nợ ban đầu); 13,44%/năm (tính theo dư nợ thực tế); lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm. Ngày 28/4/2020, khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trả góp số PTH.CN.1019.270418 đáo hạn nhưng bà Bùi Kim A không thA toán hết nợ vay cho Ngân hàng ACB. Do đó, tính từ ngày 29/4/2020, Ngân hàng ACB đã chuyển T bộ dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán của Hợp đồng tín dụng trả góp trên sang nợ quá hạn. Bà Kim A đã trả cho Ngân hàng tổng cộng 19.200.719 đồng, trong đó: vốn gốc: 16.666.664 đồng; lãi: 2.333.336 đồng; lãi phạt đã trả: 200.719 đồng.

Tính đến ngày 02/6/2022, NH TMCPAC yêu cầu bà Bùi Kim A phải thanh toán T bộ số tiền nợ 53.997.598 đồng; trong đó nợ gốc là 33.333.336 đồng; nợ lãi trong hạn là 4.666.672 đồng; nợ lãi quá hạn là 14.084.385 đồng; phạt chậm trả lãi, phạt trễ kỳ là 1.913.206 đồng và tiếp tục trả tiền lãi quá hạn, phạt chậm trả phát sinh theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến ngày trả hết nợ.

Bị đơn bà Bùi Kim A vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của bà về nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng và không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 84 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc bị đơn trả cho Ngân hàng tổng cộng là 53.997.598 đồng; trong đó nợ gốc là 33.333.336 đồng; nợ lãi trong hạn là 4.666.672 đồng; nợ lãi quá hạn là 14.084.385 đồng; phạt chậm trả lãi, phạt trễ kỳ là 1.913.206 đồng (tạm tính đến ngày 02/6/2022) và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn là Ngân hàng, người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Minh T, chức vụ: Nhân viên Ngân hàng (theo giấy ủy quyền ngày 10/3/2021) tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 85, Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

[1.2] Ngân hàng khởi kiện bà Bùi Kim A yêu cầu trả tiền vốn vay và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng, bao gồm Hợp đồng tín dụng trả góp và phụ lục hợp đồng; giấy đề nghị giải ngân và T báo lịch trả nợ vay được ký cùng ngày 28/4/2018. Do đó, xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Theo Hợp đồng tín dụng ngày 28/4/2018 bà Bùi Kim A đã ký với Ngân hàng thì nơi cư trú của bà Kim A: số 162/30 đường số 10, phường 9, quận Gò Vấp, TPHCM. Ngân hàng đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án quận Gò Vấp, tuy nhiên qua kết quả trả lời xác minh ngày 18/10/2021 của Công an phường 9, quận Gò Vấp thì bà Kim A không thực tế cư trú hay đăng ký thường trú, tạm trú tại địa chỉ nêu trên. Tòa án quận Gò Vấp đã chuyển thẩm quyền theo Quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 52/2021/QĐST-DS ngày 30/11/2021 cho Tòa án thành phố Long Xuyên theo hộ khẩu thường trú của bà Kim A số 402A/21 BK3, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, An Giang. Qua kết quả xác minh ngày 18/02/2022 tại Công an phường BK thì bà Kim A có đăng ký thường trú tại phường Bình Khánh. Do đó, căn cứ Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.4] Bị đơn bà Kim A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và tống đạt T báo thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác đúng quy định nhưng bị đơn vắng mặt không lý do không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại

khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

[2] Ngân hàng yêu cầu bà Kim A trả tổng cộng 53.997.598 đồng; trong đó nợ gốc là 33.333.336 đồng; nợ lãi trong hạn là 4.666.672 đồng; nợ lãi quá hạn là 14.084.385 đồng; phạt chậm trả lãi, phạt trễ kỳ là 1.913.206 đồng (tạm tính đến ngày 02/6/2022) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng đã ký cho đến khi thA toán hết khoản nợ.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và bà Kim A được xác lập theo Hợp đồng tín dụng, bao gồm Hợp đồng tín dụng trả góp và phụ lục hợp đồng; giấy đề nghị giải ngân và T báo lịch trả nợ vay được ký cùng ngày 28/4/2018, hợp đồng được ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía bà Kim A đã không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi suất đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bên cho vay. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự quyết định chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Kim A trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 02/6/2022 tổng cộng 53.997.598 đồng; trong đó nợ gốc là 33.333.336 đồng; nợ lãi trong hạn là 4.666.672 đồng; nợ lãi quá hạn là 14.084.385 đồng; phạt chậm trả lãi, phạt trễ kỳ là 1.913.206 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký cho đến khi thA toán hết khoản nợ.

[4] Trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, bà Kim A không thể hiện ý kiến bằng văn bản, không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. NH TMCPACđược nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu T bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 26, 35, 39, 85, 86, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NH TMCPACđối với bà Bùi Kim A.

- Buộc bà Bùi Kim A có nghĩa vụ trả cho NH TMCPACtổng số tiền 53.997.598 đồng (tạm tính đến ngày 02/6/2022); trong đó nợ gốc là 33.333.336 đồng; nợ lãi trong hạn là 4.666.672 đồng; nợ lãi quá hạn là 14.084.385 đồng; phạt chậm trả lãi, phạt trễ kỳ là 1.913.206 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (02/6/2022) bà Kim A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thA toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Kim A phải chịu 2.699.880 đồng *(hai triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn, tám trăm tám mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

NH TMCPAC được nhận lại số tiền 1.139.134 đồng *(một triệu, một trăm ba mươi chín nghìn, một trăm ba mươi bốn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0028556 ngày 25/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, TPHCM.

- Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Long Xuyên;
- VKSND TP Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Dung